TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 6 - 2018
V/v: Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Ông Vũ Thanh Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Tuyết V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 5, khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 5, khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Tuyết V trình bày: Tôi và anh Trương Văn Đ cưới nhau vào năm 1996 đến năm 2002 mới đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc; khoảng vài năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, hay cải nhau; anh Đ thường xuyên đánh bạc không quan tâm đến vợ con. Tuy nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi và từ bỏ; vợ chồng cũng đã ly

thân hơn 01 năm nay. Do xét thấy không thể chung sống với nhau được nữa; tôi yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Trương Văn V, sinh ngày 08/9/1999, giới tính nam; hiện con đã trưởng thành, nên không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có căn nhà và đất tọa lạc tại tổ 5, khu phố B, phường T, thị xã P; chưa được cấp giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 23/5/2018 anh Trương Văn Đ trình bày: Tôi kết hôn với vợ là Phan Tuyết V vào năm 1995. Năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang; đến nay đã bị thất lạc mất không còn. Nay vợ tôi yêu cầu xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Trương Văn V, sinh ngày 08/9/1999, giới tính nam; hiện con đã trưởng thành, nên không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn và bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị Phan Tuyết V và anh Trương Văn Đ đồng ý xin ly hôn nhau. Về con chung đến nay đã trưởng thành không phải xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Phan Tuyết V tranh chấp xin ly hôn đối với anh Trương Văn Đ có nơi cư trú tại khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa

giải đều được kịp thời và đúng quy định của pháp luật; khi bị đơn vắng mặt tại phiên họp Tòa án Thông báo kết quả phiên họp cho họ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Việc bị đơn Trương Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Tuyết V và anh Trương Văn Đ chung sống với nhau; có tổ chức lễ cưới và được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Qua chung sống anh chị có đầm ấm, hạnh phúc và khoảng 02 năm trở lại đây anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không am hợp; anh Đ thường xuyên bài bạc, không quan tâm đến vợ con; chị V nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không từ bỏ. Quá trình giải quyết vụ án chị V cương quyết xin ly hôn anh Đ; anh Đ cũng đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của chị V. Tại phiên tòa hôm nay chị V tiếp tục xin ly hôn anh Đ; đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị V và anh Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần giải quyết cho chị V được ly hôn anh Đ.

[5] Về con chung: Chị Phan Tuyết V và anh Trương Văn Đ trình bày có 01 con chung là Trương Văn V, sinh ngày 08/9/1999, giới tính nam; hiện nay cháu V đã trưởng thành; chị V và anh Đ không tranh chấp và yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có tài sản chung; chị Tuyết V trình bày có tài sản chung nhưng không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Tuyết V anh Đ trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[8] Về án phí: Chị Phan Tuyết V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Tuyết V được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Ghi nhận việc chị Phan Tuyết V và anh Trương Văn Đ không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do Trương Văn V đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có tài sản chung; chị Tuyết V trình bày có tài sản chung nhưng không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án, nên miễn xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Tuyết V anh Đ trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Tuyết V phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Tuyết V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004479 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên chị Tuyết V không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND tx Hà Tiên;
- Chi cục THADS tx Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân